

CON NGƯỜI VIỆT NAM - TRÍ TUỆ VIỆT NAM

TIỀM NĂNG VÀ THÁCH THỨC

(Nhân đọc lại Nghị quyết Trung ương V- khóa VIII)

Hồ Sĩ Vinh*

1. Một số quan niệm về con người

Mỗi một thời đại đều có quan điểm khác nhau về con người. Thời cổ đại Hy Lạp, con người được coi là "châu báu" của vũ trụ, "thước đo của vạn vật". Thời đại Phục Hưng sản sinh ra những tài năng bách khoa, những con người khổng lồ về nhiệt tình, về lòng say mê, khổng lồ về tư tưởng, sâu sắc về trí tuệ. Nhiều tác phẩm văn nghệ đã đả kích nhân sinh quan Trung cổ, vốn đề cao thần quyền, áp đặt chính sách ngu dân, cuồng tín, lối giáo dục kinh viện. Mặt khác, văn nghệ Phục Hưng cũng ca ngợi con người trần thế, coi con người là trung tâm của vũ trụ. Những thế kỷ tiếp theo con người và quyền con người được ghi chính thức trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của Hoa Kỳ, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp (1789). Ở thế kỷ XVIII, thế kỷ ánh sáng, R.Rousseau quan tâm đến quyền cơ bản của con người, rõ nhất là trong *Khế ước xã hội* (1762). Các khuynh hướng triết học tư sản trong các thế kỷ XIX, XX đều lấy con người làm đối tượng khảo sát. Ngoài một số ưu điểm, họ có một thiếu hụt lớn là coi Con người di chuyển ngoài lịch sử.

Quan niệm của chủ nghĩa Mác về con người được cất nghĩa một cách duy vật, có tính đến nhiều mặt ở con người: *cái xã hội và cái cá nhân; cái lịch sử và*

cái cá tính, cái truyền thống và cái hiện đại...

Do định hướng đi vào triết học xã hội, chú trọng lợi ích của người lao động trong đấu tranh giai cấp, giải phóng giai cấp công nhân nên chủ nghĩa Mác chưa đi vào bề sâu của những vấn đề cá nhân, cá tính con người.

Triết học phương Đông, trong đó có Việt Nam coi con người là một trong ba ngôi (tam tài): Thiên, Địa, Nhân của vũ trụ bao la. Tiếp thu quan niệm *hay, đẹp* của mỹ học cổ truyền, nhà nước Việt Nam coi con người là động lực lịch sử, là trung tâm của phát triển, là "vốn quý nhất" của xã hội (cá biệt có những khẩu hiệu cực đoan "trí, phú địa hào, đào tận gốc, tróc tận rễ" hoặc hành động sai lầm là do quan niệm ấu trĩ trong sách lược; chưa có những tiền đề lịch sử để giải phóng cá nhân...).

Con người chủ yếu của giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám là người lao động bị áp bức, người bình dân, yêu nước, có tinh thần dân tộc.

Con người trong hai cuộc kháng chiến là con người Công-Nông-Binh và trí thức, là lực lượng và động lực của cách mạng dân tộc, dân chủ.

Trong giai đoạn xây dựng CNXH, có con người XHCN. Những khẩu hiệu chiến lược phát triển con người do Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra không chỉ có ý nghĩa thực tiễn, tính nhân văn mà còn mang ý nghĩa triết lý sâu sắc trong

* Viện sĩ, Tạp chí Văn hiến.

"chiến lược con người".

Từ năm 1986, nhất là từ Đại hội VI (1986), Đại hội VII (1991), vấn đề con người và chiến lược con người được đặt ra có hệ thống, tương đối hoàn chỉnh. Trong phần II, mục II, điểm 1: *Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới*, Nghị quyết Trung ương V (khóa VIII) có nêu 5 đức tính của con người Việt Nam: tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc; có ý thức tập thể, đoàn kết, lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh; lao động chăm chỉ; thường xuyên học tập để nâng cao trí, thể, mỹ. Đồng thời, Nghị quyết cũng nói đến những mặt yếu kém của con người, trước hết là ở nhận thức, tư tưởng, đạo đức và lối sống,...

Tuy nhiên, việc nghiên cứu con người từ trước tới nay chưa đồng bộ, liên ngành, biện chứng (phương pháp). Do đó, từ nay về sau cần toàn diện, đa dạng hơn (*sinh vật, xã hội, tâm lý, tâm linh, quá khứ và hiện tại, cá nhân và cộng đồng*).

2. Những đặc trưng song hành ở con người Việt Nam

2.1. Trong tiến trình lịch sử hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước và xây dựng đất nước, do ảnh hưởng và chi phối của nhiều yếu tố: địa lý, khí hậu, lịch sử, chế độ chính trị, dân tộc, tâm sinh lý, phương thức sản xuất... con người Việt Nam có nhiều *tố chất tích cực* song hành với những hạn chế, có thể khái quát như sau¹:

¹ Khi khái quát những mặt tích cực và mặt phản diện trong tính cách Việt Nam, chúng tôi có tham khảo và đồng tình với một số ý kiến của nhà văn hóa GS. Đào Duy Anh trong cuốn *Việt Nam văn hóa sử cương*. (Nxb. VHTT, 2000), phần IV: Người Việt Nam; và cuốn *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam* của GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm, chương *Văn hóa cộng đồng, đời sống tập thể*. Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1996.

- Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, thương người; nhưng cũng có óc tư hữu tiểu nông, thói ích kỷ, tâm lý đố kỵ, cào bằng.

- Tính tập thể, tính cộng đồng cao, nhấn mạnh ý thức đồng thuận; nhưng dễ rơi vào óc địa phương, gia đình chủ nghĩa, tư tưởng bè phái; coi thường ý thức cá nhân, thích dựa dẫm vào người khác.

- Có tinh thần cần cù, bình đẳng; nhưng lại nặng đầu óc gia trưởng.

- Tính cần cù, cường độ lao động lớn, sức chịu đựng dẻo dai nhưng thích khoe khoang, chuộng bề nổi, chạy theo tâm lý "con gà tức nhau tiếng gáy".

- Người Việt Nam thông minh, nhưng mới ở tính *cá nhân*, chưa đến độ *thông minh cộng đồng*²; người có trí tuệ lỗi lạc, phi thường rất hiếm. Thế nào là thông minh cộng đồng? Lấy trí tuệ tập thể của hãng Sam Sung (Hàn Quốc) làm ví dụ. Sam Sung đứng đầu bảng về sản xuất màn hình máy tính, lò vi ba, đứng thứ hai về sản xuất tivi màu màn hình phẳng, doanh số chừng 34 tỷ USD chỉ bằng một nửa doanh số Sony nhưng lãi cao gấp 6 lần. Song, năm 1997, Sam Sung suýt phá sản do khủng hoảng kinh tế châu Á. Trước nguy cơ đó, Ban lãnh đạo Sam Sung nghĩ ra hai cách ứng phó: sáng tạo mẫu mã thay vì sao chép, sao chép là tự sát; không hạ thấp giá thành sản phẩm mà còn nâng cao theo phương châm "tiên nào của ấy". Ở Sam Sung có số kỹ sư 17.000/75.000 công nhân là tỷ lệ vàng. Đó là 17.000 bộ óc sáng tạo, đối thủ đáng gờm của Panasonic, Sony, IBM. Hiện nay Sam Sung còn sản xuất cả tủ lạnh có thể truy cập Internet, tủ lạnh - tivi, màn hình màu của điện thoại di động...

² Chữ dùng của GS. Hoàng Tuy. Xem thêm bài *Đổi mới tư duy để vào kinh tế tri thức*, báo Văn nghệ số 15, ngày 14/4/2001.

- Nào bộ người Việt Nam phát triển nhưng não sáng tạo ít hơn não thích ứng, thói quen bắt chước rất nhanh³. Giàu trí nghệ thuật hơn trí khoa học; giàu trực giác hơn lý luận (logic), thích văn chương phù hoa hơn khái niệm khoa học; ưa hư danh hơn thực học; não tưởng tượng thường bị não thực tiễn, tính vụ lợi kiểm soát.

2.2. Nguyên nhân nào dẫn đến những hệ quả, những tố chất nói trên?

Cha ông ta đã sáng tạo một nền văn hóa độc đáo vừa đủ sức đối kháng mãnh liệt trước sức cưỡng chế của văn hóa xâm lược, vừa đồng hóa phi thường cái hay cái đẹp của văn hóa đó vào nền văn hóa của mình. So với văn hóa phương Bắc thời bấy giờ quá rực rỡ, văn hóa ta phát triển ở trình độ thấp hơn, nên cũng chịu ảnh hưởng phản diện một phần như sau:

- Lấy nông nghiệp làm cơ sở, lấy nông dân làm lực lượng dựng nước, giữ nước. Tinh thần cốt lõi của văn hóa Việt là tư tưởng nông dân. Nó có ưu điểm là cường tráng, lành mạnh, ít bị nhiễm phải những tập tục suy đồi của lối sống tư sản, những nguy thuyết do các tôn giáo bên ngoài truyền bá, nhưng lại mang tâm lý tiểu nông, tầm nhìn khép kín, trọng nông khinh thương, "nhất nông, nhì sĩ,...

- Văn hóa quốc gia lấy *gia tộc* làm cơ sở xã hội, Nhà nước không biết cá nhân, không tôn trọng cá tính sáng tạo, cách tổ chức công nghệ thương mại không lọt ra ngoài phạm vi mỗi họ, mỗi làng, thậm chí dấu nghệ.

- Lấy *tình - nghĩa* làm gốc xử thế còn luật pháp chỉ có hình luật chứ không có dân luật. Việc buôn bán, vay mượn chỉ

dựa vào lòng tin, không được pháp luật bảo vệ.

Có truyền thống hòa hiếu, yêu chuộng hòa bình. Các cuộc chiến tranh xảy ra là do phải tự vệ, chứ không hiếu chiến và không có bản chất thượng võ. Truyền thống này là cơ sở cho chính sách ngoại giao "đa phương hóa", có nhiều cơ hội để "hội nhập" với thế giới.

- Có nhân sinh quan lưu truyền nòi giống, tôn trọng truyền thống sự nghiệp của cha ông, nhưng lại dễ rơi vào cực đoan khác là tư tưởng bảo thủ, tinh thần tôn cổ, nệ cổ.

3. Những tiềm năng và thách thức đối với con người Việt Nam trong tiến trình CNH - HDH

3.1. Những tiềm năng

- Dân tộc Việt Nam là dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo, được Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện, lãnh đạo, một lòng một dạ chiến đấu, xây dựng vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

- Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Cơ sở vật chất kỹ thuật nền kinh tế được tăng cường.

- Tình hình chính trị - xã hội ổn định.

- Môi trường hòa bình, sự liên kết, hợp tác quốc tế tạo điều kiện để chúng ta hội nhập, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực.

3.2. Những thách thức

Nghị quyết Đại hội Đảng IX (2001) cũng nêu lên *bốn* nguy cơ mà đất nước, con người Việt Nam hiện đại phải đối mặt, được coi là những thách thức lớn:

- Tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới;
- Chênh hướng xã hội chủ nghĩa;
- Nạn tham nhũng và tệ quan liêu;
- "Diễn biến hòa bình" do các thế lực thù địch gây ra.

Cho đến nay, nước ta vẫn là một

³ Theo tạp chí Cộng sản số 14/1998: số đơn đăng ký sáng kiến của công dân Nhật Bản trong một ngày bằng số đơn đăng ký sáng kiến của công dân Việt Nam trong 13 năm (1981-1993).

nước lạc hậu, nhất là về kinh tế. Việt Nam vẫn thuộc những nước nghèo. GDP bình quân đầu người chỉ bằng 1/14 Malaysia; 1/30 Hàn Quốc; 1/50 Singapore; 1/70 Koa Kỳ... Tại sao vậy?

Tán đồng ý kiến của nhiều nhà khoa học, chúng tôi cho rằng:

- Cơ chế quản lý còn nhiều mâu thuẫn, thiếu nhất quán. Trí tuệ cộng đồng chưa cao, tài năng bị ràng buộc bởi cơ chế, chất xám bị "chảy" ra nước ngoài, tài năng được đào tạo không được sử dụng ở cơ quan Nhà nước mà "chạy" vào các công ty tư nhân vì có thu nhập cao. Singapore, Hàn Quốc, Hồng Kông đóng vai trò "con rồng châu Á" không hoàn toàn là do họ thông minh hơn người Việt Nam mà chủ yếu là họ có luật lệ đồng bộ, nhất quán, có phương thức quản lý năng động. Quản lý vĩ mô là một khoa học và là một nghệ thuật. Ở bất cứ nước nào, trong quản lý vĩ mô thì *quản lý tài chính, ngân hàng, quản lý hành chính* đều là những bộ phận hệ trọng đối với nền kinh tế quốc dân, cần được cải tiến trước tiên. Trong quản lý xã hội, quản lý giáo dục, văn hóa, văn nghệ cần được đặc biệt coi trọng vì đó là những lĩnh vực "nhạy cảm" đối với hàng chục triệu người.

- Tham nhũng, quan liêu, lãng phí là ba căn bệnh trầm kha của cơ chế hiện hành. Nói trầm kha bởi chúng phát sinh, phát triển trong thời gian dài, chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt, và trong không gian rộng, ở mọi ban ngành, từ Trung ương tới xã, phường. Với chế độ phân phối vừa bao cấp, vừa cào bằng như hiện nay thì người cán bộ, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào cũng không thể sống bằng tiền lương bởi đồng lương chỉ sống được mười ngày. Cần có khẩu hiệu *phòng ngừa* tham nhũng như ở Singapore đó là: *không thể, không muốn, không dám,*

không cần tham nhũng. Muốn vậy trước hết Chính phủ phải liêm khiết. Trên thực tế, Chính phủ Singapore là một Nhà nước liêm khiết nhất thế giới.

- Trong điều kiện toàn cầu hóa và kinh tế tri thức mà năng suất lao động quá thấp, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng nổi nhu cầu ngay cả trong nước, thì nói gì đến chuyện cạnh tranh với nước ngoài (!?). Có nhiều giải pháp cấp bách và lâu dài để khoả lấp khoảng cách hẫng hụt này, nhưng có một ý tưởng được Thủ tướng Chính phủ nêu ra trong lần gặp gỡ các doanh nghiệp trẻ là "Trí tuệ Việt Nam": "Doanh nghiệp trẻ là những người luôn luôn đổi mới, sáng tạo, nghĩ những điều chưa ai nghĩ, làm những việc chưa có tiền lệ vượt ra khỏi lối mòn tư duy, phải có tinh thần vươn ra thế giới tiếp cận những đỉnh cao trí tuệ của thế giới".⁴

- Chưa chịu khó học tập những thành tựu về quản lý kinh tế, quản lý văn hóa và các hình thức xã hội hóa hoạt động kinh tế-văn hóa của các nước, đặc biệt là các nước phát triển. Quản lý là một khoa học, Lenin nhắc : muốn quản lý tốt mà chỉ thuyết phục thôi chưa đủ, cần phải biết tổ chức về mặt thực tiễn. Thực trạng ở nước ta, ai cũng có thể quản lý được, đó là một tình trạng vô trách nhiệm. Muốn quản lý là phải học; quản lý một gia đình đã khó, ở đây đòi hỏi các bậc làm cha làm mẹ không chỉ dùng "đức trị", mà còn phải có tri thức - giáo dục, tâm lý giáo dục,... hướng hồ là người quản lý Nhà nước! Trong xã hội nông nghiệp, quản lý đồng nghĩa với cai trị, chỉ có quan hệ *trên - dưới*. Trong xã hội tin học, quản lý không chỉ là công việc của người lãnh đạo, mà quan trọng hơn là tri thức chuyên sâu, là sự phối hợp điều hành giữa nhiều đối tác, điều hành theo dự án, cần tránh quản lý "kinh nghiệm

⁴ Báo Nhân dân số 17754, ngày 9/3/2004.

chủ nghĩa"⁵.

- Trong lĩnh vực văn hóa, khoa học xã hội và nhân văn chưa tận dụng được lợi thế của các giá trị văn hoá và vốn giàu có của kho tàng di sản văn hóa dân tộc trong mấy nghìn năm. Đã thế, có một số người do không biết "trời cao đất dày" là gì lại đi chê bai, coi thường những giá trị cổ truyền và truyền thống "vốn cũ quý báu của dân tộc" (lời Chủ tịch Hồ Chí Minh), thuần phong mỹ tục của cha ông. Đó chính là "đêm hôm trước" của tình trạng lai căng, vọng ngoại, sùng ngoại, mặc dầu họ cũng không biết rõ lắm về các thứ mà họ sùng bái mù quáng.

4. Những kiến nghị

- Người Việt Nam, dù ở bất cứ nơi nào trong nước hay ở nước ngoài, ở thời điểm lịch sử nào phần lớn là những người yêu nước, thương nòi, ý thức tự cường dân tộc rất cao, nhưng những yếu tố phản diện ở con người Việt Nam cũng cần được nghiên cứu sâu sắc, đồng bộ, bởi những yếu tố phản diện nói trên không chỉ ảnh hưởng trực tiếp mà thậm chí ăn sâu vào tính cách dân tộc Việt Nam. Chúng ta không sợ nói ra mặt tiêu cực trong tính cách Việt Nam thì kẻ địch sẽ xuyên tạc, hoặc méch lòng ai đó. Trái lại, ý thức rõ được những điều đó sâu sắc sẽ là cơ hội để phát triển những thành tố tích cực, để hoàn thiện con người mới Việt Nam. Tính cách dân tộc là cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, cái tiên tiến và cái lạc hậu. Dân tộc ta trong tiến trình lịch sử, nhất là từ Cách mạng tháng Tám trở đi đã rèn luyện được những tính tiến bộ, nhân đạo hơn trong bộ

mặt tinh thần của mình. Mác và Ăngghen đã hơn một lần viết về mặt phản diện của tính cách dân tộc Đức. Lênin nói đến "thói Ôblômôp" là điển hình của cuộc sống Nga tồn tại cho đến chế độ Xô Viết. Thói xấu này không chỉ ở nông dân mà còn ở trí thức, ở công nhân và cả ở những người cộng sản. Trong văn hoá Trung Quốc, Việt Nam đều có những mẫu người tiêu biểu cho tính cách phản diện Trung Hoa như AQ trong truyện của Lỗ Tấn, cho tính cách phản diện Việt Nam như Chí Phèo trong chuyện của Nam Cao.

- Con người tồn tại trong nhiều mối quan hệ. Trước đây, chúng ta nghiên cứu con người trong thế biệt lập: *Con người xã hội* (giai cấp, thành phần xã hội, học vấn) còn *Con người sinh học* (thể lực, chiều cao, trọng lượng, dục vọng, sinh lý); *Con người tâm lý* (vô thức, tiềm thức, hoài bão); *Con người tâm linh* (niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng,...) chưa được nghiên cứu một cách có sức thuyết phục. Đề nghị tiếp tục khảo sát trên quy mô rộng và có chiều sâu.

- Nói phát triển là nói kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm; trong đó vai trò của khoa học và công nghệ là khâu then chốt. Vì vậy *cơ chế quản lý* trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, giáo dục cần được đổi mới hơn nữa, sáng tạo hơn, mà trước hết là phải có chính sách đào tạo, đánh giá, sử dụng, ưu đãi người tài. Người xưa nói: việc trị nước đều phải lấy việc dùng người làm gốc. Khi có nhiều người tài được một cơ chế quản lý *thoáng, mở* bảo đảm, thì không sợ sự tụt hậu. Có người tài nắm vững tri thức khoa học cơ bản, sử dụng kỹ năng, kỹ xảo công nghệ mới của thế giới, chúng ta tránh được tình trạng chuyển giao công nghệ ở giai đoạn cuối ở các nước vào nước ta như hiện tượng nhiều máy tính cá nhân lạc hậu do các nước thải ra tuồn vào nước ta là một ví dụ ♦

⁵ Trong bài "Vấn đề dùng người", GS.VS Nguyễn Cảnh Toàn, sau khi phê phán, lối quản lý kinh nghiệm chủ nghĩa theo cách "thử, sai, sửa", có nêu một thành tựu của khoa học quản lý hiện đại là dùng phương pháp não công (brainstorming) để kích thích óc sáng tạo, theo báo *Sức khoẻ và Đời sống* số 21/2004.